|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định về xây dựng, phát triển**

**chương trình đào tạo và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng trường đại học trong “Điều lệ trường đại học” ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Đại học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Quy Nhơn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các văn bản trước đây có nội dung trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Đào tạo Đại học, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch – Tài chính, các Khoa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:*** **HIỆU TRƯỞNG**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐTĐH.

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN** | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ QUY TRÌNH MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQN ngày tháng năm 2019*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn*

# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo và quy trình mở ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Quy Nhơn.

2. Quy định này áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Quy Nhơn.

# Điều 2. Khái niệm, thuật ngữ

1. Chương trình đào tạo của một ngành học (Program) trình độ đại học bao gồm: mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của khoa và các đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó.

2. Chương trình dạy học (Curriculum) của một chương trình đào tạo trình độ đại học bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với ngành học và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.

# 3. Khối ngành: mỗi ngành đào tạo thuộc một khối ngành theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hạn chế phạm vi lĩnh vực đào tạo của Nhà trường, mỗi ngành thuộc một trong các khối sau đây:

# Khối I: các ngành thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên và khoa học giáo dục

# Khối III: các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh, quản lý và pháp luật

# Khối IV: các ngành thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên

# Khối V: các ngành thuộc lĩnh vực Toán, CNTT, Kỹ thuật và Công nghệ.

# Khối V+: các ngành đào tạo cấp bằng Kỹ sư.

# Khối VII: các ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, du lịch, môi trường.

# Điều 3. Các thành phần của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của một ngành học bao gồm 10 thành phần theo thứ tự như sau:

1. Mục tiêu đào tạo: lý do tồn tại của chương trình, mô tả những gì sinh viên có thể làm được, đạt được trong tương lai gần sau khi tốt nghiệp. Mục tiêu đào tạo gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu cụ thể gồm: kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng và phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra: là yêu cầu tổi thiểu về kiến thức , kỹ năng, thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo chất lượng. Chuẩn đầu ra có chủ đề chuẩn đầu ra và mức năng lực để đo lường, đánh giá.

3. Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa: thời gian đào tạo là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo trong trường hợp bình thường; khối lượng kiến thức toàn khóa là khối lượng kiến thức tối thiểu sinh viên phải tích lũy để được công nhận tốt nghiệp và khối lượng kiến thức này phải đảm bảo yêu cầu về các học phần bắt buộc.

4. Đối tượng tuyển sinh: là đối tượng được đăng ký tuyển sinh vào ngành đào tạo của trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ; điều kiện tốt nghiệp ngoài hoàn thành chương trình đào tạo yêu cầu phải đạt các môn điều kiện nào, mức chuẩn ngoại ngữ, mức chuẩn tin học.

6. Cách thức đánh giá, thang điểm: cách đánh giá cho đa phần các học phần và một số học phần khác, thang điểm phù hợp với phương thức đào tạo được lựa chọn.

7. Nội dung chương trình: bao gồm các học phần của chương trình đào tạo và các thông tin kèm theo mỗi học phần để triển khai tổ chức giảng dạy, quản lý như số tín chỉ, học kỳ, số tiết lý thuyết, bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành; giờ tự học, học phần học trước, khoa quản lý học phần, việc thực hiện bài tập lớn nếu có. Cấu trúc, bố cục về mặt nội dung; thời lượng các khối kiến thức trong chương trình đào tạo được quy định tại Điều 7 của quy định này.

8. Phương pháp đào tạo và kế hoạch giảng dạy dự kiến: Phương pháp đào tạo thực hiện bằng cách phối hợp các hình thức học tập lý thuyết kết hợp thực hành, thực tế, tự học, tự nghiên cứu, coi trọng việc phát triển năng lực ứng dụng, giải quyết những vấn đề chuyên môn trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Kế hoạch giảng dạy là phân phối giảng dạy dự kiến cho từng học kỳ của khóa học, thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của chương trình.

9. Ma trận quan hệ giữa học phần và chuẩn đầu ra: xác định mức độ đáp ứng các chuẩn đầu ra của mỗi học phần trong chương trình đào tạo.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình: những điểm cần lưu ý khi thực hiện chương trình đào tạo.

Chi tiết như mẫu M3 kèm theo phụ lục.

# Điều 4. Các thành phần của chương trình dạy học

Chương trình dạy học của một chương trình đào tạo trình độ đại học bao gồm các mục 1 đến 9 của chương trình đào tạo và các Đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo.

Đề cương chi tiết học phần: bao gồm các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra của học phần; nội dung giảng dạy, phương pháp đánh giá, thời lượng giảng dạy và các thông tin liên quan khác của học phần (mẫu M4 kèm theo Phụ lục ?)

**Điều 5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo là kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà sinh viên phải đạt được khi tốt nghiệp. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phải cụ thể hóa cho từng ngành căn cứ theo chuẩn đầu ra quy định tại Khung trình độ quốc gia Việt nam, trình độ đại học, cụ thể như sau:

1. Kiến thức:

- Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.

- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.

- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

- Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.

- Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.

- Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

- Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

- Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

3. Mức tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

- Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

**Điều 6. Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa**

- Thời gian đào tạo: 4,5 năm đối với các ngành đào tạo kỹ sư và 4 năm đối với các ngành còn lại.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa:

+ Các ngành cấp bằng Kỹ sư: 150 tín chỉ

+ Các ngành còn lại: 135 tín chỉ

- Khối lượng kiến thức toàn khóa nói trên không kể khối lượng các môn điều kiện: 03 tín chỉ Giáo dục thể chất, 08 tín chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

**Điều 7. Cấu trúc của chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

Kiến thức giáo dục đại cương là kiến thức nền tảng, tổng quát để sinh viên thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội và chuẩn bị cho giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức giáo dục đại cương bao gồm kiến thức về khoa học chính trị, pháp luật; ngoại ngữ; khoa học xã hội hoặc toán - khoa học tự nhiên – môi trường; Khoa học quản lý và Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là kiến thức chuyên môn để sinh viên hình thành và phát triển năng lực, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của ngành đào tạo. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm khối kiến thức cơ sở khối ngành và ngành, khối kiến thức ngành, khối kiến thức chuyên ngành (nếu có), khối kiến thức bổ trợ (đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ ngành, kỹ năng nghề nghiệp, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghệp) và tốt nghiệp.

Bảng 1. Cấu trúc, khối lượng chương trình đào tạo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối ngành | Khối KT GD Đại cương | | | | | Khối KT GD chuyên nghiệp | | | | Tổng + (TC-QP) |
|  | Khoa học Chính trị -PL | Ngoại ngữ, | Khoa học XHNV | Toán - KHTN - MT, KH Quản lý  (K. nghiệp 2TC, Giao tiếp 2TC) | TC,  QP-AN | KT cơ sở ngành và khối ngành  (Tin học 3TC) | KT ngành, chuyên ngành (nếu có) | KT bổ trợ (ĐT RL NV, kỹ năng ngành, TT nghề nghiệp, TT tốt nghiệp) | Tốt nghiệp |  |
| I | 13 | 7 |  |  | 11 |  |  |  | 6 | 146 |
| III | 13 | 7 |  |  | 11 |  |  |  | 6 | 146 |
| IV | 13 | 7 |  |  | 11 |  |  |  | 6 | 146 |
| V | 13 | 7 |  |  | 11 |  |  |  | 6 | 146 |
| V+(KS) | 13 | 7 |  |  | 11 |  |  |  | 8 | 161 |
| VII | 13 | 7 |  |  | 11 |  |  |  | 6 | 146 |
|  | 37 Tín chỉ | | | | | 109 TC (KS: 124 TC) | | | |  |

Các học phần tự chọn được bố trí trong một số cấu phần cần thiết của các khối kiến thức. Số tín chỉ của các học phần đề xuất để sinh viên tự chọn không quá 3 lần so với số tín chỉ bắt buộc phải tích lũy.

**Điều 8. Quy trình và tổ chức xây dựng chương trình đào tạo**

1. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo.

Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;

Bước 5: Tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;

Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về chương trình đào tạo;

Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Bước 8: Hội đồng thẩm định ngoài thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo đối với chương trình;

Bước 9: Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua chương trình đào tạo;

Bước 10: Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chương trình đào tạo.

2. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo

Khoa được giao nhiệm vụ xây dựng đề án mở ngành đào tạo thực hiện bước 1 của Khoản 1 Điều này và đề xuất thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo.

Tổ soạn thảo có từ 5-7 người là giảng viên am hiểu về ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Tổ soạn thảo và Tổ soạn thảo thực hiện các công việc từ bước 2 đến bước 7 trong quy trình xây dựng chương trình đào tạo.

**Điều 9. Quy trình phát triển chương trình đào tạo**

Bước 1: Khoa lập kế hoạch đăng ký với Nhà trường về việc cập nhật chương trình đào tạo nếu không nằm trong kế hoạch chung của Nhà trường.

Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo do những thay đổi trong quy định của nhà nước hoặc của trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học, kinh tế xã hội thuộc ngành đào tạo hoặc phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo.

Bước 3: Sửa đổi, cập nhật, hoàn thiện chương trình đào tạo và họp Hội đồng khoa để nghiệm thu chương trình sửa đổi, cập nhật; tổng hợp những thay đổi so với chương trình đào tạo hiện hành, gửi kèm biên bản nghiệm thu cho Nhà trường.

Bước 4: Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, nghiệm thu chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật và Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chương trình đào tạo. Nếu cần thiết, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đánh giá, nghiệm thu cấp trường chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung trước khi trình Hội đồng khoa học và đào tạo.

Chương trình đào tạo phải được các Khoa phát triển ít nhất 3 năm một lần để đảm bảo tính cập nhật.

**Điều 10. Quy trình mở ngành đào tạo**

Bước 1. Khoa đề xuất mở ngành đào tạo căn cứ trên phân tích sơ bộ về nhu cầu nhân lực của địa phương và cả nước đối với ngành đào tạo, về giảng viên chủ trì và tham gia giảng dạy chính ngành đào tạo, cơ sở vật chất, thư viện và các điều kiện mở ngành tại các quy định hiện hành. Khoa gửi tờ trình đề xuất cho Nhà trường qua Phòng Đào tạo Đại học.

Bước 2. Hiệu trưởng ra quyết định giao nhiệm vụ xây dựng đề án mở ngành cho khoa. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp góp ý tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định việc giao nhiệm vụ xây dựng đề án mở ngành.

Bước 3. Hội đồng trường ra quyết nghị về chủ trương mở ngành.

Bước 4. Khoa ra quyết định thành lập Tổ xây dựng đề án mở ngành và đề xuất Nhà trường ra quyết định thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo.

Bước 5. Tổ xây dựng đề án tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo và bắt đầu xây dựng đề án.

Bước 6. Tổ soạn thảo chương trình đào tạo triển khai từ bước 2 đến bước 7 trong quy trình xây dựng chương trình đào tạo.

Đồng thời, Tổ xây dựng đề án chuẩn bị dữ liệu về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ ngành đào tạo; chuẩn bị các minh chứng về bằng tốt nghiệp trình độ cao nhất, chứng chỉ NVSP đại học, lý lịch khoa học của giảng viên chủ trì và giảng dạy chính ngành đào tạo; bài báo khoa học liên quan đến ngành đào tạo đối với giảng viên các ngành gần; minh chứng về nhu cầu xã hội, kết quả khảo sát, ý kiến của cơ quan, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động; biên bản hợp tác đào tạo, hướng dẫn thực tập của các cơ quan, doanh nghiệp; dự kiến phân công giảng dạy chương trình đào tạo.

Bước 7. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Đoàn tự kiểm tra về đội ngũ giảng viên, trang thiết bị, thư viện phục vụ ngành đào tạo. Đoàn tự kiểm tra kiểm tra, xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

Bước 8. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định ngoài thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo. Việc thẩm định được thực hiện bởi Hội đồng thẩm định ngoài và được quy định chi tiết trong Điều 11 của quy định này. Hội đồng thẩm định ngoài họp đánh giá và kết luận về chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

Bước 9. Tổ soạn thảo hoàn thiện chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định ngoài kèm theo văn bản giải trình về những điều chỉnh, sửa đổi. Chương trình đào tạo hoàn thiện phải có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định ngoài.

Bước 10. Hội đồng Khoa học Đào tạo thông qua Chương trình đào tạo và Đề án mở ngành. Hiệu trưởng ra quyết định ban hành chương trình đào tạo và phê duyệt đề án.

Bước 11. Tổ xây dựng đề án tập hợp các văn bản (chi tiết xem phụ lục ?) thành hồ sơ mở ngành. Nhà trường trình Bộ Giáo dục và Đào tạo hồ sơ xin phép mở ngành đối với các ngành đào tạo giáo viên, trình Hội đồng trường đối với các ngành còn lại. Việc tuyển sinh, đào tạo được thực hiện sau khi được cấp phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc quyết định của Hội đồng trường.

**Điều 11. Thẩm định chương trình đào tạo mới và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo**

1. Chương trình đào tạo được xây dựng để mở ngành phải được đánh giá bởi Hội đồng thẩm định ngoài (gọi tắt là Hội đồng thẩm định). Hội đồng thẩm định được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo. Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

Hội đồng thẩm định có 5 thành viên là những người có chuyên môn đào tạo cùng ngành hoặc ngành gần (nếu ngành đăng ký đào tạo là ngành mới) với chương trình đào tạo cần thẩm định, được mời từ ít nhất 2 cơ sở đào tạo khác nhau có kinh nghiệm đào tạo ngành có chương trình cần thẩm định. Hội đồng gồm Chủ tịch có học hàm phó giáo sư hoặc giáo sư; thư ký và 02 ủy viên phản biện có học vị tiến sĩ trở lên và một người đại diện cho các đơn vị sử dụng sinh viên tốt nghiệp có học vị thạc sĩ trở lên, có ít nhất 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của chương trình đào tạo tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định. Thành viên Tổ soạn thảo không tham gia Hội đồng thẩm định. Giảng viên của trường có thể tham gia Hội đồng thẩm định nhưng không quá một người.

Trường hợp chương trình cần thẩm định là ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo thì Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc ngành gần, đã nghiên cứu và công bố ít nhất một công trình khoa học liên quan đến chương trình cần thẩm định (trừ thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng lao động).

2. Căn cứ vào dự thảo chương trình đào tạo và các quy định hiện hành, Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định và kết luận về chương trình đào tạo; đồng thời căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế đã được Đoàn kiểm tra xác nhận để đánh giá và kết luận Trường có đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định hiện hành hay không. Đối với những ngành có yêu cầu về máy móc, thiết bị thí nghiệm, thực hành, Hội đồng thẩm định phải kiểm tra thực tế trước khi kết luận. Biên bản thẩm định phải có chữ ký của các thành viên Hội đồng thẩm định và đóng dấu của Trường.

**Điều 12. Tổ chức thực hiện**

1. Các khoa triển khai phát triển, điều chỉnh các chương trình đào tạo hiện hành do khoa quản lý ít nhất 3 năm một lần tính từ lần điều chỉnh gần nhất. Căn cứ tình hình thực tế, các khoa đề xuất mở ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội và năng lực đào tạo của khoa, của trường.

2. Phòng Đào tạo Đại học là đơn vị đầu mối về công tác tổ chức xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện quy định này, cung cấp biểu mẫu, tài liệu cần thiết liên quan đến phát triển chương trình và mở ngành đào tạo.

3. Phòng KT&ĐBCL phối hợp khoa và các đơn vị liên quan lập kế hoạch đảm bảo chất lượng khi triển khai chương trình đào tạo và tổ chức kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

5. Trung tâm Thông tin tư liệu phối hợp với các khoa và các đơn vị liên quan lập kế hoạch bổ sung giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập theo chương trình đào tạo.

6. Phòng Kế hoạch Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan, căn cứ qui chế chi tiêu nội bộ dự trù kinh phí hằng năm cho công tác phát triển chương trình và mở ngành đào tạo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phản ánh kịp thời bằng văn bản cho Nhà trường (qua phòng QLKH) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

# 

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**PGS.TS. Đỗ ngọc Mỹ**

- Khối lượng giữa các khối kiến thức cần đảm bảo tỷ lệ tương đối: khối kiến thức đại cương chiếm 30%-35%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp chiếm 65%-70%, trong đó: kiến thức cơ sở ngành chiếm khoảng 20%-25%, kiến thức ngành và chuyên ngành chiếm 30%-35%; kiến thức bổ trợ chiếm 10%-15%.

**VĂN BẢN, TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học, số 34/2018/QH14.

- Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật số 34/2018/QH14.

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

[ ] Đ. T. M. Trinh, N. H. Nghĩa, Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.